

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hôm nay giằng co trong vùng 1,578 – 1,598 và đóng cửa tại mốc 1,593.61 điểm, tăng hơn 13 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 11/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Thực phẩm và đồ uống dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hàng cá nhân & gia dụng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, UPCOM và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Đà giảm đã chứng lại trong ngày hôm nay, tuy nhiên nhà đầu tư nên duy trì thận trọng trong những phiên giao dịch tới khi thị trường vẫn đang có diễn biến lỏng lẻo và cảm tính.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LẠI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 11/11/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+13.07** điểm, đóng cửa tại **1593.61** điểm. HNX-Index **+2.90** điểm, đóng cửa tại **261.08** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+2.96)**, **VIC (+1.77)**, **BID (+0.96)**, **VNM (+0.92)**, **MSN (+0.77)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HVN (-0.87)**, **LPB (-0.53)**, **VJC (-0.21)**, **GEE (-0.20)**, **SSB (-0.16)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,725** tỷ đồng, giảm **-6.07%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,778 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.66 điểm. Thị trường có **186** mã tăng, 60 mã tham chiếu, **114** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-74.80** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MBB (-69.07 tỷ)**, **STB (-64.92 tỷ)**, **CTG (-52.40 tỷ)**, **HDB (-48.34 tỷ)**, **VND (-47.47 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **16.27** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.12%**. Các mã diễn biến tích cực:
SSI (+3.72%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+3.57%) [\(Link báo cáo\)](#)
VNM (+3.33%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.89%**. Các mã diễn biến tích cực:
GEX (+5.75%) [\(Link báo cáo\)](#)
IDC (+4.26%) [\(Link báo cáo\)](#)
VRE (+4.19%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.12%	0.89%	0.00%	0.00%
1 tuần	-4.24%	-4.08%	-3.70%	-3.44%
1 tháng	-6.69%	-8.86%	-9.72%	-9.48%
3 tháng	-7.59%	-10.43%	-2.87%	1.55%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,593.61	261.08	117.85
% 1D	0.83%	1.12%	0.34%
GTKL (tỷ VND)	17,725	1,208	438
%1D	-6.07%	-22.15%	-35.76%
GDNN (tỷ VND)	-74.80	16.27	-18.37

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	153.04	MBB	-69.07
HPG	105.37	STB	-64.92
VNM	80.46	CTG	-52.40
SHB	72.14	HDB	-48.34
MSN	71.65	VND	-47.47

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

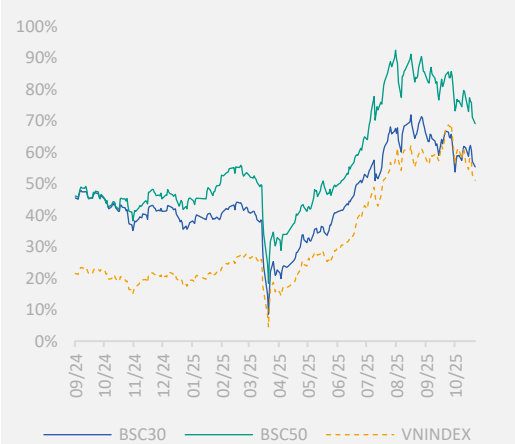
		%D	%W
SPX	6,832	1.54%	-0.29%
FTSE100	9,889	1.04%	1.79%
Eurostoxx	5,699	0.71%	0.77%
Shanghai	4,003	-0.39%	1.07%
Nikkei	50,980	0.13%	-1.00%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.01	-0.08%
Giá vàng	4,139	0.41%
Tỷ giá		
USD/VND	26,373	0.05%
EUR/VND	31,164	-0.09%
JPY/VND	175	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	-0.01%
LS LNH 1M	6.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

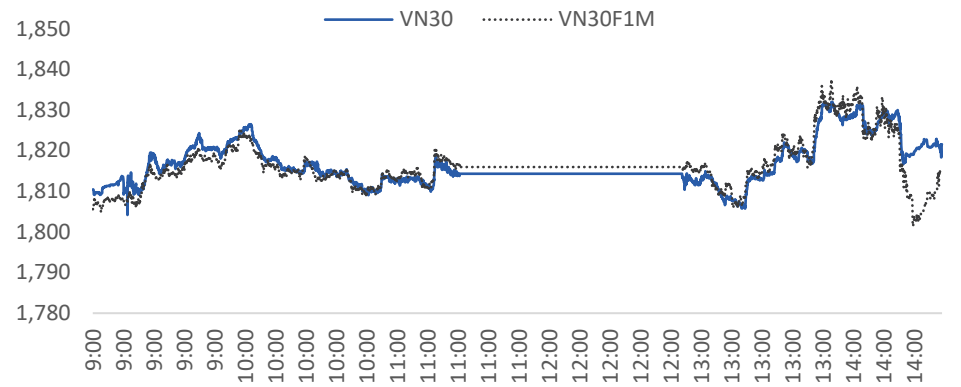
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1815.00	0.76%	361,157	24.4%	20/11/2025	9
41I1G6000	1802.50	0.31%	61	-34.4%	18/06/2026	219
VN30F2512	1810.10	0.56%	1,210	-13.9%	18/12/2025	37
41I1G3000	1808.00	0.45%	62	-59.74%	19/03/2026	128

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +17.42 điểm, đóng cửa tại 1821.6 điểm. Biên độ dao động 26.27 điểm. Các cổ phiếu như MSN, VHM, VNM, MWG, VIC tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc đỏ với nhịp giảm điểm cuối phiên. Thanh khoản thị trường ở mức thấp trong bối cảnh tâm lý thận trọng bao trùm, dòng tiền có xu hướng lui về phòng thủ. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 41I1FB000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVHM2517	3/12/2025	22	1,800	10.43%	88.89	2,100	82.6%	0.73	99.39	90.00	90.00
CVNM2516	3/12/2025	22	122,200	6.47%	61.18	200	53.8%	0.07	62.71	58.90	58.90
CTCB2517	25/06/2026	226	84,800	57.46%	45.58	1,520	35.7%	0.16	52.99	33.65	33.65
CFPT2510	23/02/2026	104	200	51.67%	132.82	600	30.4%	0.01	145.76	96.10	96.10
CVNM2513	15/12/2025	34	377,900	4.24%	58.17	700	27.3%	0.46	61.40	58.90	58.90
CMSN2517	3/12/2025	22	75,700	12.90%	86.69	160	23.1%	0.04	88.29	78.20	78.20
CSTB2523	4/05/2026	174	8,400	29.04%	56.87	900	20.0%	0.39	64.07	49.65	49.65
CSSB2507	3/04/2026	143	13,200	39.51%	21.00	540	17.4%	0.04	23.16	16.60	16.60
CSHB2514	25/06/2026	226	195,300	44.42%	20.68	1,070	16.3%	0.34	22.82	15.80	15.80
CSTB2514	13/04/2026	153	118,100	4.53%	39.50	3,100	14.4%	2.96	51.90	49.65	49.65
CTCB2518	23/02/2026	104	1,099,100	11.17%	35.07	1,200	14.3%	1.01	37.41	33.65	33.65
CVHM2511	13/04/2026	153	108,000	3.60%	58.00	8,810	14.1%	8.31	93.24	90.00	90.00
CTCB2510	23/12/2025	42	1,336,600	4.51%	30.20	1,700	14.1%	1.34	35.17	33.65	33.65
CSTB2529	25/03/2026	134	122,400	34.90%	65.50	740	13.8%	0.44	66.98	49.65	49.65
CSTB2517	15/12/2025	34	239,600	1.43%	45.00	2,680	13.6%	2.72	50.36	49.65	49.65
CHPG2529	25/05/2026	195	4,700	21.84%	28.05	1,090	13.5%	0.58	32.41	26.60	26.60
CFPT2515	15/12/2025	34	450,300	14.34%	106.95	340	13.3%	0.05	109.88	96.10	96.10
CTCB2509	15/12/2025	34	658,900	4.17%	33.12	990	12.5%	0.88	35.05	33.65	33.65
CVPB2519	3/04/2026	143	1,900	10.87%	21.89	2,150	12.0%	1.58	30.49	27.50	27.50
CTPB2502	12/01/2026	62	136,400	4.80%	13.05	2,500	11.6%	2.13	17.71	16.90	16.90

Nguồn: BSC

- Chú thích:

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 11/11/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
 - CVHM2517 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 82.61%. CMBB2518 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.74%.
 - CVHM2521, CVHM2524, CVRE2526, CVHM2523, CVRE2525 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2507, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
MSN	78.20	2.89%	2.92
VHM	90.00	3.57%	2.65
VNM	58.90	3.33%	2.44
MWG	78.00	1.56%	2.01
VIC	201.00	1.01%	1.83

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
LPB	47.50	-1.66%	-1.46
VJC	174.90	-0.91%	-0.63
SSB	16.60	-1.48%	-0.25
FPT	96.10	-0.10%	-0.21
VIB	18.20	-0.27%	-0.07

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	90.00	3.57%	2.96	4.11
VIC	201.00	1.01%	1.77	3.88
BID	38.00	1.60%	0.96	7.02
VNM	58.90	3.33%	0.92	2.09
MSN	78.20	2.89%	0.77	1.52

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	84.90	8.85%	1.02	0.23
SHS	22.20	3.74%	0.43	0.90
IDC	39.20	4.26%	0.37	0.38
CEO	24.50	4.26%	0.34	0.57
KSV	151.00	1.75%	0.31	0.20

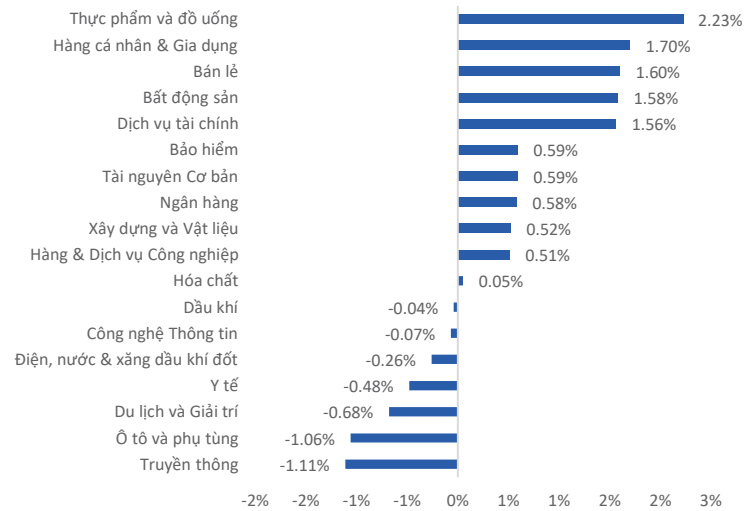
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
C32	22.95	6.99%	0.01	0.14
HID	4.38	6.83%	0.01	0.97
VTB	14.35	6.69%	0.00	0.01
CCC	17.60	6.67%	0.01	0.20
SFC	21.60	6.40%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMC	171.10	9.96%	0.55	0.00
CTT	19.70	9.44%	0.03	0.00
KSD	4.70	9.30%	0.02	0.00
PVI	84.90	8.85%	6.07	0.06
TV4	16.20	8.72%	0.10	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	28.50	-4.36%	-0.87	3.11
LPB	47.50	-1.66%	-0.53	2.99
VJC	174.90	-0.91%	-0.21	0.59
GEE	151.30	-1.63%	-0.20	0.37
SSB	16.60	-1.48%	-0.16	2.85

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	80.50	-0.37%	-0.16	0.90
PVS	32.60	-1.51%	-0.14	0.48
HUT	16.90	-0.59%	-0.06	1.07
HGM	260.00	-1.52%	-0.03	0.01
SGC	86.00	-6.52%	-0.02	0.01

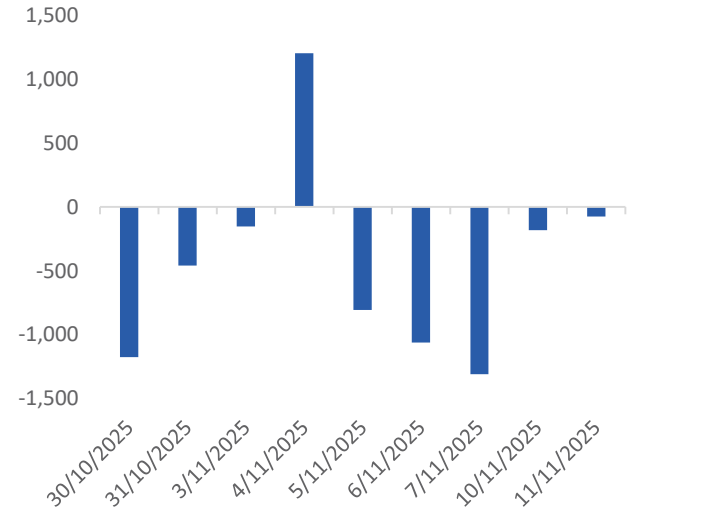
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVC	25.30	-6.99%	-0.04	0.03
HSL	9.77	-6.95%	-0.01	0.93
JVC	7.23	-6.95%	-0.01	0.65
VDP	46.60	-6.80%	-0.02	0.00
CVT	25.30	-5.77%	-0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PPP	19.60	-9.68%	-0.06	0.00
SDG	11.60	-9.38%	-0.04	0.00
SJ1	11.00	-8.33%	-0.14	0.00
DAE	12.50	-8.09%	-0.01	0.00
CAN	29.00	-7.94%	-0.04	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	78.0	1.6%	1.3	113,545	501.6	3,955	19.4	100,800	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	32.3	-0.5%	1.2	30,560	222.5	1,872	17.3	46,000	10.5%	Link
KDH	Bất động sản	33.0	3.1%	1.2	35,911	97.4	857	37.3	39,900	27.2%	Link
PDR	Bất động sản	21.2	1.9%	1.4	20,380	151.5	211	98.6	28,200	9.1%	Link
VHM	Bất động sản	90.0	3.6%	1.2	356,934	764.0	6,133	14.2	119,600	9.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	96.1	-0.1%	0.8	163,877	708.7	5,280	18.2	118,700	38.0%	Link
BSR	Dầu khí	15.6	0.3%	0.0	77,864	43.6	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.6	-1.5%	1.4	15,821	113.2	3,040	10.9	42,800	11.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.6	1.4%	1.3	24,029	150.5	1,430	15.6		35.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	34.9	3.7%	1.2	69,751	1039.5	1,882	17.9		32.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.7	2.5%	1.1	25,869	184.5	1,589	22.5		20.4%	
DCM	Hóa chất	33.8	0.6%	1.2	17,788	30.3	3,578	9.4	47,300	4.5%	Link
DGC	Hóa chất	91.8	0.3%	1.3	34,750	158.3	8,296	11.0	109,300	11.8%	Link
ACB	Ngân hàng	24.9	0.2%	0.9	127,389	197.2	3,385	7.3	28,400	29.4%	Link
BID	Ngân hàng	38.0	1.6%	1.0	262,599	91.0	3,781	9.9	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	48.5	1.0%	1.1	257,760	423.7	6,208	7.7	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	29.6	0.0%	1.1	114,239	476.6	3,675	8.1	30,800	16.6%	Link
MBB	Ngân hàng	23.2	0.4%	1.1	186,070	353.2	3,017	7.7	29,300	20.7%	Link
MSB	Ngân hàng	12.1	0.8%	1.1	37,440	65.5	1,729	6.9	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	49.7	2.4%	1.0	91,433	658.8	6,519	7.4		16.6%	
TCB	Ngân hàng	33.7	0.8%	1.1	236,680	385.3	3,112	10.7	43,500	22.4%	Link
TPB	Ngân hàng	16.9	2.4%	1.2	45,772	72.3	2,358	7.0	-	24.3%	Link
VCB	Ngân hàng	58.9	0.2%	0.8	491,314	152.5	4,202	14.0	75,700	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	18.2	-0.3%	0.9	62,123	187.5	2,225	8.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	27.5	0.0%	1.1	218,183	408.5	2,603	10.6	35,650	24.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.6	0.6%	1.1	203,016	892.7	1,876	14.1	33,170	18.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.9	0.3%	1.1	10,464	47.8	1,178	14.3	19,800	5.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.2	0.0%	1.1	9,679	35.7	4,150	6.1	31,700	2.7%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.2	2.9%	1.2	109,890	598.4	2,196	34.6	92,700	22.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	58.9	3.3%	0.6	119,127	300.6	4,160	13.7	64,500	49.0%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.5	1.94%	1.3	8,559	30.2	2,413	16.0	19.6%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	141.9	2.01%	1.0	23,689	100.5	3,620	38.4	32.4%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	53.4	0.75%	1.1	39,343	15.1	3,594	14.8	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.2	2.54%	1.2	15,650	201.1	517	38.0	4.6%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.8	3.01%	1.2	18,595	227.8	401	45.5	22.3%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	26.9	-4.81%	1.2	5,645	180.0	3,424	9.2	4.0%	25.2%	
HDG	Bất động sản	30.6	1.16%	1.3	11,173	46.2	938	32.2	20.5%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	39.2	4.26%	1.4	14,269	116.3	4,849	7.8	10.7%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	36.4	-0.41%	1.2	17,710	59.2	2,185	16.7	46.0%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	54.3	-1.27%	1.0	13,316	10.2	5,474	10.1	3.3%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.2	0.50%	0.9	5,409	7.2	1,763	17.0	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.9	1.71%	1.4	17,808	87.2	852	24.1	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	201.0	1.01%	1.3	766,750	849.1	2,287	87.0	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	31.1	4.19%	1.3	67,715	322.0	2,144	13.9	14.8%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	37.6	-0.13%	1.1	7,972	15.1	1,833	20.5	38.6%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	33.8	-0.44%	0.7	43,073	44.7	2,090	16.2	15.2%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	24.5	-0.81%	0.9	13,730	206.1	1,602	15.4	5.3%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.5	1.52%	1.3	11,417	21.4	1,262	26.1	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.7	2.77%	1.8	19,036	78.8	1,664	17.4	5.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.1	-0.16%	0.9	147,673	34.1	5,014	12.2	1.7%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.1	-0.35%	1.0	33,020	47.3	812	17.4	2.6%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.9	0.63%	0.9	34,395	6.7	4,776	13.3	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	174.9	-0.91%	0.7	104,419	350.2	2,897	60.9	7.3%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	43.3	5.75%	1.1	36,908	668.5	2,313	17.7	8.6%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.0	0.00%	1.0	26,016	133.9	3,504	17.4	43.3%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.3	-0.65%	0.7	10,419	103.7	6,185	10.0	8.1%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.3	-0.86%	0.9	8,177	30.3	2,090	8.3	8.7%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	103.4	1.17%	0.0	12,446	67.2	3,139	32.6	4.9%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	89.1	2.41%	0.9	29,680	36.7	6,921	12.6	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.6	0.00%	0.8	3,092	38.4	2,535	10.9	48.7%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.0	2.15%	1.4	2,394	18.2	2,879	6.5	17.7%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.2	-0.43%	1.1	15,842	63.5	1,212	19.2	4.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	27.9	-0.18%	1.3	111,800	42.4	1,569	17.8	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	20.9	0.48%	1.1	38,745	128.4	1,635	12.7	4.0%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	47.5	-1.66%	0.5	144,286	114.2	3,469	13.9	1.1%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.5	1.76%	0.0	24,363	23.5	2,337	6.1	1.4%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.4	2.48%	1.0	32,223	55.9	1,460	8.3	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.5	0.61%	1.1	7,318	73.4	571	28.7	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.9	1.09%	1.3	7,349	21.2	2,829	9.8	4.1%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.3	1.57%	0.7	9,668	51.9	1,715	18.5	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.8	1.74%	0.9	58,998	61.6	3,373	13.6	58.4%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.8	1.43%	1.1	12,569	35.9	6,944	8.1	19.5%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	167.6	0.66%	0.6	13,630	8.6	14,639	11.4	85.3%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.1	1.31%	1.1	8,520	63.9	6,560	12.8	48.8%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	90.0	3.45%	1.1	9,952	56.3	5,128	17.0	5.3%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.7	0.00%	1.0	4,304	18.6	3,037	14.1	5.3%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.4	1.14%	1.2	6,566	47.6	1,106	11.9	9.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.1	2.12%	0.8	8,422	68.4	1,584	14.9	12.2%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.5	0.43%	1.0	15,127	73.9	6,148	3.8	5.3%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.5	-2.14%	1.3	20,893	39.5	3,090	15.1	3.7%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>